

PHỤ LỤC 1											
(Kèm theo Thông báo số /UBND-KT ngày /9/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)											
STT	Họ tên chủ hộ	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất xây dựng	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác			Năm xây dựng (theo hộ dân kê khai)	UBND xã Sơn Tịnh xác nhận		Ghi chú
					Hạng mục	ĐVT	Khối lượng		Năm xây dựng	Mục đích xây dựng	
1	Hộ ông Nguyễn Ngọc Trảng										
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Nhà N10: 01 tầng; Nhà móng xây đá; tường gạch chịu lực; mái ngói hoặc tôn có sê nô; nền lát gạch Ceramic; trần ván ép hoặc nhựa hoặc gỗ ván; cửa pa nô kính; khu vệ sinh trong nhà; tường quét vôi màu toàn bộ.	m2	55,610	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Nhà N10: 01 tầng; Nhà móng xây đá; tường gạch chịu lực; mái ngói hoặc tôn có sê nô; nền lát gạch Ceramic; trần ván ép hoặc nhựa hoặc gỗ ván; cửa pa nô kính; khu vệ sinh trong nhà; tường quét vôi màu toàn bộ.	m2	60,480	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Nhà có gác lửng bằng bê tông cốt thép	m2	21,600	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện như sau: nhà, nhà ở, công trình xây dựng phải phá dỡ một phần, ranh giải tỏa cất sàn và dầm (dầm) ở giữa hai cột chịu lực thì được tính bồi thường phần nhà, nhà ở, công trình xây dựng từ ranh giải tỏa vào đến cột chịu lực gần nhất của nhà, nhà ở, công trình xây dựng phải phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại bằng 50% đơn giá xây dựng (theo đơn giá áp dụng cho phần nhà, nhà ở, công trình xây dựng bị giải tỏa) nhân (x) với diện tích mặt dựng của nhà, nhà ở, công trình xây dựng trước khi bị phá dỡ.	m2	36,450	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	MH: Mái hiên cột thép (hoặc gỗ, hoặc bê tông), xà gỗ thép (hoặc gỗ), lợp tôn (hoặc ngói), nền đất.	m2	39,010	2013			

STT	Họ tên chủ hộ	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất xây dựng	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác			Năm xây dựng (theo hộ dân kê khai)	UBND xã Sơn Tịnh xác nhận		Ghi chú
					Hạng mục	ĐVT	Khối lượng		Năm xây dựng	Mục đích xây dựng	
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Sân phơi bê tông, mặt láng xi măng.	m2	78,310	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Giếng đóng bằng ống PVC Ø40, không có máy bơm điện, đầu bơm tay, nền giếng, Chiều sâu > 8m ÷ ≤ 12m	md	12,000	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Nhà N10: 01 tầng; Nhà móng xây đá; tường gạch chịu lực; mái ngói hoặc tôn có sê nô; nền lát gạch Ceramic; trần ván ép hoặc nhựa hoặc gỗ ván; cửa pa nô kính; khu vệ sinh trong nhà; tường quét vôi màu toàn bộ.	m2	33,480	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Kết cấu bê tông đổ tại chỗ cho cầu kiện độc lập (có cốt thép)	m3	0,264	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá ≤0,16m2	m2	2,640	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch Ceramic	m2	2,640	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch Ceramic	m2	24,840	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Nhà N12: 01 tầng; Nhà móng xây đá; tường gạch chịu lực; mái ngói hoặc tôn không có sê nô; không đóng trần; nền láng xi măng; Cửa gỗ pa nô hoặc ván ép; khu vệ sinh trong nhà; tường quét vôi màu toàn bộ.	m2	9,800	2013			
		1	370, 371, 372	ONT+HNK	Trừ nhà N12 không có vệ sinh	m2	9,800	2013			
2	Ông Nguyễn Ngọc Trinh										
		1	371	ONT+HNK	Không vật kiến trúc						
3	Ông Nguyễn Ngọc Đồng										
		1	372	ONT+HNK	Không vật kiến trúc						
4	Ông Nguyễn Ngọc Thiên										
		1	373	ONT+HNK	Không vật kiến trúc						